

Bản án số: 79/2019/DS-ST

Ngày: 07/6/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

2. Ông Nguyễn Văn Đạt

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh- Kiểm sát viên

Ngày 10/5/2019 và ngày 07/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự về mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái S – sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc T – sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp K, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thanh T – sinh năm 1969, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp K, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1972, có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của ông Nguyễn Thái S trình bày: Vào vụ Đông – Xuân năm 2016 có ký hợp đồng bao tiêu lúa nhật DS1 và có bán phân thuốc

cho ông Đỗ Ngọc T và hợp đồng lúa từ năm 2016 cho đến Hè – Thu 2018, như vậy ông T còn nợ lại ông S số tiền phân thuốc là 277.254.000đ và tiền ứng hỗ trợ lúa Nhật là 25.000.000đ, tổng cộng ông T còn nợ ông 302.254.000đ. Sau này ông S nhận lại số phân do ông T, bà T trả lại thì hai bên đối chiếu với nhau và thống nhất với số nợ là $302.254.000đ - 10.920.000đ = 291.334.000đ$.

Nay ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Ngọc T và bà Đoàn Thanh T liên đới trả số tiền 291.334.000đ và yêu cầu trả một lần.

Theo lời khai của bị đơn ông Đỗ Ngọc T trình bày: Vụ Đông – Xuân năm 2017 - 2018 ông có ký hợp đồng liên kết lúa Nhật và bao tiêu phân bón và thuốc trừ sâu với Hộ kinh doanh bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật do ông Nguyễn Thái S làm người đại diện trên 100 công (nếu như đúng thực tế thì phải là 200 bao phân và thuốc trừ sâu hết vụ khoảng trên 50.000.000đ), nhưng bên ông S không giao thuốc và chỉ giao được 100 bao phân (phân kém chất lượng) nên ông đang để ở nhà 70 bao phân. Cuối vụ Đông – Xuân năm 2017 – 2018 ông thu hoạch được 39 tấn/ 100 công, bên ông S đã lấy hết lúa và có đưa lại được 10.000.000đ.

Vụ Hè – Thu năm 2018 ông và ông S cũng có ký tiếp hợp đồng bao tiêu có hỗ trợ trước 500.000đ/ công (khi nào cân lúa sẽ trừ sau) và có thỏa thuận giao phân thuốc và ký hợp đồng bao tiêu với số lượng 50 công đất, với giá lúa là 5.800đ / kg để trừ nợ dần. Lúa đến ngày thu hoạch ông S chưa cho cắt và yêu cầu dời lại 8 ngày sau (sự việc này bà B trưởng ấp H có biết), nhưng sau đó 3 ngày ông S yêu cầu cắt lúa nhưng không mượn được máy cắt và một tuần sau có máy cắt, nhưng khi đó lúa đã gãy đổ nên mất năng suất đó là nguyên nhân ông không có tiền để trả nợ cho ông S.

Sau mỗi mùa vụ hai bên có ngồi lại tính toán với nhau và khớp sổ từng lần, tờ khớp sổ mà ông S cung cấp đều là chữ ký và chữ viết của ông. Ông thừa nhận lần khớp sổ cuối cùng ngày 01/11/2018 là còn thiếu bên ông S số tiền 302.254.000đ. Sau khi trả lại số phân bón cho ông S thì hai bên ngồi đối chiếu lại thì vợ chồng ông thừa nhận còn nợ ông S số tiền là 291.334.000đ.

Tại phiên hòa giải ông T yêu cầu trả dần bằng 04 lần cho đến khi hết nợ nhưng tại phiên tòa ông T yêu cầu ông S cho trả số tiền 291.334.000đ bằng 6 lần trong 6 vụ lúa tiếp theo thì ông T không có yêu cầu xem xét lỗi của ông S về việc cắt lúa hay chất lượng phân bón.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đoàn Thanh T trình bày: Thống nhất với số nợ và cách trả nợ của ông T. Ngoài ra không còn ý kiến

nào khác.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông S, yêu cầu vợ chồng ông T trả số tiền 291.334.000đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng bà T không có mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp “Hợp đồng dân sự về mua bán” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thái S trả số tiền còn nợ là 291.334.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ vợ chồng ông T, bà T cũng thừa nhận có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và còn nợ số tiền nói trên. Vì vậy, cần buộc ông T và bà T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông S số tiền còn nợ là 291.334.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả tiền:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

[4] Đối với trình bày của ông T về việc do ông S không cho người cắt lúa kịp thời dẫn đến lúa sập, mất năng suất và yêu cầu Tòa án xác minh chính quyền địa phương. Qua xác minh trưởng ấp Hòa Lạc (nơi có đất sản xuất của ông T) và cán bộ địa chính xã Hòa Điền cho thấy địa phương có biết việc giao kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm lúa nhật nhưng không biết cụ thể việc giao phân thuốc về số lượng và chất lượng như thế nào, việc ông S không cho máy cắt vào cắt lúa dẫn đến lúa ông T bị sập mất mùa thì địa phương không nắm do không có ai trình báo. Do đó việc ông T

cho rằng ông S vi phạm hợp đồng là tiền đề dẫn đến việc ông T không có khả năng thanh toán là không có căn cứ. Mặt khác việc hai bên giao kết hợp đồng bao tiêu là cung ứng vật tư nông nghiệp, ông T và bà T thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu và có nợ ông S số tiền 291.334.000đ. Tại phiên tòa ông T yêu cầu nếu ông S đồng ý cho trả dần số tiền 291.334.000đ làm 6 lần bằng 6 vụ lúa thì ông T không có yêu cầu xem xét lỗi của ông S về cất lúa hay chất lượng phân bón. Do đó ông T, bà T phải trả cho ông S số tiền 291.334.000đ là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu về việc bị đơn yêu cầu trả dần số nợ 291.334.000đ trong 06 vụ lúa tiếp theo là không có cơ sở chấp nhận do ông S không đồng ý, hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không có quy định về thời gian chậm trả nếu các đương sự không có thỏa thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[6] Tại phiên tòa ông T yêu cầu HĐXX xem xét lại tiền lãi mà ông S đã tính từ năm 2016 cho đến nay là hơn 80.000.000 đ nhưng ông T không nhớ rõ và không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì khi giao kết hợp đồng hai bên không có thỏa thuận về lãi, tuy nhiên ông S cho rằng hai bên thống nhất sau 4 tháng ông T không trả tiền thì tính lãi 1,2% nhưng ngày khớp số 01/11/2018 là không có tính lãi trước đó, trong số tiền hai bên khớp số là không tính lãi và các chứng cứ lâu quá không còn lưu giữ. Xét thấy yêu cầu này của ông T không có cơ sở chấp nhận do ông không cấp chứng cứ chứng minh và phía nguyên đơn không chấp nhận.

[7] Về án phí Dân sự sơ thẩm (DSST):

- Do ông Đỗ Ngọc T và bà Đoàn Thanh T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí.
- Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái S được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Tuyên xử: Buộc ông Đỗ Ngọc T và bà Đoàn Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thái S số tiền là 291.334.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí : Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Đỗ Ngọc T và bà Đoàn Thanh T phải nộp án phí DSST là 14.566.700đ (mười bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu bảy trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Thái S được nhận lại tạm ứng án phí là 7.556.350đ (Bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng), theo lai thu số 0007700 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho những người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2019). Bà Đoàn Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Minh